

ANALYSIS OF MANGO VALUE CHAIN IN YEN CHAU DISTRICT, SON LA PROVINCE

Nguyen Manh Thang¹, Ho Luong Xinh^{1*}, Ha Nhu Hue²

¹TNU - University of Agriculture and Forestry

²Department of Agriculture and Rural Development of Son La province

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	14/10/2021	Study data was collected from directly interviewing 356 commercial mango growers, 10 cooperative groups, cooperatives, export enterprises, 10 traders, 10 retailers, and 20 consumers in Yen Chau district. The study result indicated that traders got the highest profit in compared with other stakeholders in whole value chain. Mango growers received a small profit, accounting for only 28.8 percent in total profit of whole chain. Analysis of 5 mango distribution channels showed that the channel “grower -> cooperative, cooperative group -> export enterprise -> foreign consumers” was the main consumption channel with the highest mango sales. This channel also created the highest net value-added of the whole channels (13,102 Vietnam dong per kilogram (vnd/kg)). Of which mango growers were beneficiary with 48.48 percent of total value-added of the chain. Thus, the channel was considered as the most efficient distribution one and should be developed. Additionally, the direct marketing channel “mango grower -> domestic consumers” should also be promoted by connecting with agricultural tourism development programs and applying Information Technology (IT) in direct sales by farmers in the 4.0 era. Since then, the study has proposed solutions to develop the mango value chain in Yen Chau district, Son La province.
Revised:	04/11/2021	
Published:	04/11/2021	
KEYWORDS		
Chain		
Value chain		
Mango		
Yen Chau		
Son La		

PHÂN TÍCH CHUỖI GIÁ TRỊ XOÀI TẠI HUYỆN YÊN CHÂU TỈNH SƠN LA

Nguyễn Mạnh Thắng¹, Hồ Lương Xinh^{1*}, Hà Như Huệ²

¹Trường Đại học Nông Lâm - ĐH Thái Nguyên

²Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 14/10/2021	Nghiên cứu thực hiện phỏng vấn trực tiếp 356 hộ nông dân trồng xoài theo hướng hàng hóa, 10 tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp xuất khẩu, 10 thương lái, 10 cửa hàng bán lẻ và 20 người tiêu dùng tại huyện Yên Châu. Kết quả khi xem xét về tổng lợi nhuận của từng tác nhân tham gia chuỗi thì tổng lợi nhuận của thương lái là cao nhất, lợi nhuận của các hộ nông dân trồng xoài chỉ chiếm 28,8% lợi nhuận của toàn chuỗi. Qua phân tích 5 kênh phân phối xoài cho thấy kênh tiêu thụ từ hộ nông dân trồng xoài => tổ hợp tác, hợp tác xã => doanh nghiệp xuất khẩu => xuất khẩu => người tiêu dùng ngoài nước là kênh có quy mô thị trường lớn và có tổng giá trị gia tăng thuần của toàn kênh cao nhất đạt 13,102 đồng/kg, trong đó hộ nông dân trồng xoài được hưởng 48,48% giá trị gia tăng của chuỗi do vậy kênh này được xem là kênh phân phối hiệu quả và cần tập trung phát triển. Bên cạnh đó, kênh tiêu thụ trực tiếp từ hộ nông dân đến người tiêu dùng nội địa cũng cần được quan tâm thông qua gắn kết với phát triển du lịch nông nghiệp và bán hàng trực tiếp thông qua công nghệ 4.0. Từ đó nghiên cứu đã đề xuất các giải pháp để phát triển chuỗi giá trị xoài tại huyện Yên Châu tỉnh Sơn La.
Ngày hoàn thiện: 04/11/2021	
Ngày đăng: 04/11/2021	
TỪ KHÓA	
Chuỗi	
Chuỗi giá trị	
Xoài	
Yên Châu	
Sơn La	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.5167>

* Corresponding author. Email: holuongxinh@tuaf.edu.vn

1. Giới thiệu

Tỉnh Sơn La với khí hậu đặc trưng và địa hình bị chia cắt sâu và mạnh nên hình thành nhiều tiểu vùng khí hậu, đất đai màu mỡ cho phép Sơn La phát triển đa dạng các loại cây ăn quả. Những năm gần đây, Sơn La khá thành công trong việc cải tạo vườn kém hiệu quả, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nâng cao chất lượng sản phẩm, gắn với tìm kiếm thị trường để nông sản “xuất ngoại”. Từ “thủ phủ” trồng ngô, bắp bênh vạ đói, vạ nợ, bao trùm cuộc sống nghèo khó, giờ đây, Sơn La trở thành địa phương hình mẫu, có vùng trồng cây ăn quả lớn nhất miền Bắc và đứng thứ 2 cả nước. Đã có rất nhiều các nghiên cứu liên quan đến chuỗi giá trị xoài và các sản phẩm nông sản khác. Trong tất cả các nghiên cứu về chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp đều chỉ ra được rằng các sản phẩm nông sản muốn gia tăng giá trị thì phải liên kết theo chuỗi như các nghiên cứu của Phạm Thị Tố Anh [1], Nguyễn Thị Lan Anh [2], Nguyễn Thùy Trang [3], Vũ Thành Lộc [4], [5], Nguyễn Huy Giáp [6], Nguyễn Phú Sơn [7],...

Yên Châu tỉnh Sơn La là một huyện biên giới, nơi được mệnh danh là vùng đất của “*chuối ngọt xoài thơm*” hiện có trên 30.000 ha đất sản xuất nông nghiệp, trong đó, trên 10.100 ha trồng cây ăn quả, gồm: Xoài, nhãn, chuối, mận hậu, bưởi... Cây xoài đã gắn bó với người dân Yên Châu từ xa xưa với diện tích tính đến năm 2020 là hơn 2.900 ha, đã có 1.500 ha cho thu hoạch quả, sản lượng đạt hơn 20.000 tấn/năm. Sản phẩm đủ điều kiện xuất khẩu sang thị trường các nước khoảng 6.400 tấn, được trồng tập trung tại các xã: Chiềng Hặc, Tú Nang, Sấp Vạt, Chiềng Đông [8]. Hiện nay, trước yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường trong và ngoài nước, huyện Yên Châu đã triển khai nhiều giải pháp như hỗ trợ kỹ thuật trồng, xây dựng mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, xây dựng điểm thu mua, ứng dụng công nghệ sơ chế sau thu hoạch, ký hợp đồng thu mua với các doanh nghiệp, quảng bá và giới thiệu sản phẩm bằng nhiều hình thức... để đáp ứng các tiêu chuẩn của thị trường [9]. Nhưng với diện tích trồng xoài ngày càng phát triển, trong khi đó các hộ nông dân vẫn tư tưởng sản xuất nhỏ lẻ, chưa theo tiêu chuẩn quy định do vậy giá sản phẩm tiêu thụ phụ thuộc vào thương lái là chính. Vì vậy, nghiên cứu “Phân tích chuỗi giá trị xoài tại huyện Yên Châu tỉnh Sơn La” là cần thiết để giúp các nhà hoạch định chính sách có cái nhìn tổng thể về chuỗi giá trị xoài Yên Châu từ đó có các giải pháp góp phần nâng cao chuỗi giá trị xoài nhằm nâng cao thu nhập cho bà con các dân tộc huyện Yên Châu.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Địa bàn nghiên cứu

Yên Châu là huyện có diện tích trồng xoài lớn nhất của tỉnh Sơn La với diện tích hiện có hơn 2.900 ha, đã có 1.500 ha cho thu hoạch quả, sản lượng đạt hơn 20.000 tấn/năm. Trong tổng số 14 xã và 01 thị trấn của huyện Yên Châu, nghiên cứu tiến hành chọn ra 4 xã có diện tích trồng xoài lớn nhất của huyện để tiến hành điều tra là các xã Sấp Vạt, Chiềng Hặc, Tú Nang, Chiềng Păn.

2.2. Phương pháp phân tích và xử lý thống kê

2.2.1. Chọn mẫu và thu thập thông tin

Chủ thể của nghiên cứu gồm các hộ nông dân trồng xoài theo hướng hàng hóa, tổ hợp tác (THT), hợp tác xã (HTX), doanh nghiệp (DN), thương lái (thực hiện chức năng thu mua, phân loại, đóng gói và vận chuyển), người bán lẻ và người tiêu dùng xoài. Cỡ mẫu của nghiên cứu được thể hiện tại bảng 1.

Bảng 1. Cơ cấu mẫu nghiên cứu

Đối tượng	Số mẫu quan sát
Người sản xuất	356
THT, HTX, DN XK	10
Thương lái	10
Người bán lẻ	10
Người tiêu dùng	20
Tổng	406

(Nguồn: Tổng hợp tính toán của nghiên cứu)

Đối với chủ thể là hộ nông dân, nghiên cứu tiến hành thực hiện phỏng vấn các hộ trồng xoài theo hướng hàng hóa trên địa bàn 4 xã. Theo thống kê của Phòng NN&PTNT huyện Yên Châu trên địa bàn 4 xã Sấp Vật, Chiềng Hặc, Tú Nang, Chiềng Păn có tổng 3200 hộ trồng xoài. Theo công thức chọn mẫu Slovin, cỡ mẫu điều tra các hộ trồng xoài tác giả tính toán là 356 hộ được điều tra.

Hiện nay, theo thống kê có 28 THT, HTX, DN thu mua xoài của huyện Yên Châu để xuất khẩu ra thị trường nước ngoài. Nghiên cứu lựa chọn phỏng vấn 10 THT, HTX, DN như vậy.

Đối với tác nhân thương lái vừa thực hiện chức năng thu mua từ nông dân, vừa thực hiện chức năng phân loại, đóng gói và vận chuyển hiện trên địa bàn huyện Yên Châu có 10 thương lái. Nghiên cứu tiến hành phỏng vấn cả 10 thương lái.

Đối với người bán lẻ, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn ngẫu nhiên chọn 01 hộ sau đó bỏ 01 và tương tự đến khi chọn được 10 quan sát trên dọc tuyến đường của huyện Yên Châu.

Đối với người tiêu dùng nghiên cứu tiến hành phỏng vấn 20 người tiêu dùng trên địa bàn huyện Yên Châu.

Thêm vào đó, nghiên cứu cũng đã khảo sát một số đơn vị/cá nhân có chức năng hỗ trợ/thúc đẩy chuỗi giá trị như cán bộ Trung tâm Khuyến nông, các cơ quan ban ngành có liên quan.

2.2.2. Phương pháp phân tích dữ liệu

Nghiên cứu sử dụng một số công cụ phân tích sâu: thống kê mô tả nhằm phân tích hiện trạng sản xuất của hộ nông dân theo số liệu của bảng điều tra, mô tả hiện trạng sản xuất và các vấn đề cơ bản liên quan như diện tích trồng, số năm kinh nghiệm...; phân tích chi phí lợi ích của từng tác nhân; phân tích kinh tế chuỗi.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Thực trạng sản xuất và tiêu thụ xoài tại huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La

3.1.1. Tình hình sản xuất xoài

Cây xoài được trồng tập trung ở Sơn La chủ yếu ở các huyện Yên Châu, Mai Sơn, Mường La, Sông Mã... Trong đó, diện tích trồng xoài tại huyện Yên Châu chiếm hơn 82% tổng diện tích trồng xoài toàn tỉnh với các giống xoài như: giống xoài địa phương: Xoài tròn, xoài hôi, Muôn mút, muông ngân, muông ngu, muông say (muôn trứng), mác chai, và các giống xoài lai: Đài loan GL4, xoài Thái, xoài Úc.

Tình hình sản xuất xoài trên địa bàn huyện Yên Châu giai đoạn 2018 – 2020 được thể hiện qua bảng 2.

Bảng 2. Diện tích trồng xoài huyện Yên Châu giai đoạn 2018 – 2020

Đơn vị tính: ha

Năm	Diện tích trồng (ha)	Diện tích cho thu hoạch	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
Năm 2018	1.560	767	49,17
Năm 2019	2.275	897	39,43
Năm 2020	2.830	1350	47,70
Tốc độ phát triển bình quân (%)	134,69	132,67	

(Nguồn: Phòng NN & PTNT huyện Yên Châu)

Thực hiện chủ trương của tỉnh về phát triển cây ăn quả trên đất dốc, thời gian qua, huyện Yên Châu hiện thực hóa nhiều chính sách về phát triển cây ăn quả và phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao bao gồm: Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 07/01/2016 của UBND huyện về thực hiện “Tái cơ cấu ngành trồng trọt theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020”; Kế hoạch số 147/KH-UBND ngày 24/7/2018 của UBND huyện về triển khai thực hiện Đề án phát triển cây ăn quả trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 07/6/2018 của UBND huyện về việc phát triển hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ

cao trên địa bàn huyện Yên Châu giai đoạn 2018-2020. Các chính sách trên đã góp phần thúc đẩy làm cho diện tích trồng xoài của huyện giai đoạn 2018 – 2020 tăng lên khá nhanh. Năm 2018 toàn huyện có tổng diện tích là 1.560 ha trồng xoài trong đó có 767 ha cho thu hoạch. Đến năm 2020 diện tích trồng xoài đã lên đến 2.830 ha với diện tích cho thu hoạch 1.350 ha tăng so với năm 2018 là 583 ha, tốc độ phát triển bình quân của diện tích trồng xoài là 134,69% và tốc độ phát triển bình quân của diện tích xoài cho thu hoạch là 132,67%, huyện Yên Châu đã phát huy được các lợi thế để trở thành vùng chuyên canh cây xoài tại Sơn La.

Huyện Yên Châu đã triển khai nhiều giải pháp hỗ trợ kỹ thuật, quy trình sản xuất tính đến năm 2020 huyện có 298 ha có mã vùng trồng phục vụ xuất khẩu và 134 ha được cấp chứng nhận VietGAP chính vì vậy năng suất và sản lượng xoài của huyện Yên Châu đã tăng lên trong giai đoạn 2018 – 2020 và được thể hiện qua bảng 3.

Bảng 3. Năng suất và sản lượng xoài của huyện Yên Châu giai đoạn 2018 – 2020

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tốc độ phát triển bình quân (%)
Diện tích	Ha	767	897	1350	132,67
Năng suất	Tấn/ha	11,7	12,1	12,5	103,36
Sản lượng	Tấn	8.973,90	10.853,70	16.875,00	137,13

(Nguồn: Phòng NN & PTNT huyện Yên Châu)

Hiện nay các hộ nông dân trồng xoài theo hình thức chuyên canh chiếm trên 60% và xen canh chiếm khoảng 30% còn lại là vườn tạp. Đảm bảo quy trình trồng đúng kỹ thuật, tuân thủ nghiêm túc các quy trình của sản xuất theo Vietgap và sản xuất theo hữu cơ đã làm cho năng suất của cây xoài khá cao, đạt 12,5 tấn/ha đối với năm 2020 cao hơn 0,8 tấn/ha so với năm 2018. Sản lượng xoài năm 2020 đạt 16.875 tấn cao hơn 7.901,10 tấn so với năm 2018, điều này là áp lực cho việc tiêu thụ sản phẩm xoài khi đến chính vụ. Vì hiện nay xoài ở Yên Châu chủ yếu dùng để ăn tươi, sản phẩm chế biến từ xoài chưa nhiều.

Cây xoài thường ra hoa vào tháng 12 đến tháng 1 và thu hoạch tập trung từ tháng 5-8 nên giá bán không cao trong vụ chính nhưng rất cao trong vụ nghịch, đặc biệt là các dịp lễ, tết. Từ thực tế này đã thu hút các hộ nông dân áp dụng nhiều biện pháp để kích thích ra hoa xoài sớm hay nghịch vụ để có thể bán được giá cao gấp 2-3 lần so với xoài chính vụ. Cây xoài trồng đến năm thứ 3 trở đi đã có thể cho thu hoạch vụ đầu tiên. Những năm sau nếu trồng đúng kỹ thuật cây sẽ cho năng suất tăng dần theo các năm. Chi phí sản xuất cho 1 ha trồng xoài đã thu hoạch được thể hiện qua bảng 4.

Bảng 4. Chi phí sản xuất cho 1 ha trồng xoài đã thu hoạch

Tiêu chí	Hạng mục	Giá trị trung bình (nghìn đồng/ha)	Tỷ lệ (%)
Chi phí kiến thiết phân bổ	Giống, cải tạo đất, chăm sóc trong giai đoạn 2 năm đầu	21.000	46,60
	Phân	18.460	40,97
	Thuốc BVTV	1.000	2,22
	Chi phí tưới	500	1,11
Chi phí đầu vào	Chi phí vận chuyển	1.000	2,22
	Lao động thuê ngoài	2.100	4,66
Chi phí tăng thêm	Chi phí khác	1.000	2,22
	Tổng chi phí	45.060	100

(Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra năm 2021)

Chi phí trồng xoài bao gồm ba loại chi phí: Chi phí kiến thiết phân bổ, chi phí đầu vào và chi phí tăng thêm. Trong đó, chi phí giai đoạn kiến thiết bao gồm: chi phí giống, làm đất, chăm sóc trong giai đoạn 2 năm đầu bình quân là 21.000 nghìn đồng/ha chi phí này đã được phân bổ cho 12 năm thu hoạch của cây xoài chiếm 46,60% tổng chi phí. Chi phí hàng năm bao gồm chi phí đầu vào và chi phí tăng thêm được là tính từ lúc cây xoài bắt đầu cho thu hoạch (không bao gồm công lao động gia đình). Trong chi phí đầu vào thì chi phí về phân bón chiếm tỷ lệ 40,97%

trong tổng chi phí sản xuất 1 ha. Tổng bình quân 1 ha xoài đã cho thu hoạch là 44.560 nghìn đồng/1 ha.

3.1.2. Tình hình tiêu thụ xoài

Tiêu thụ là khâu quan trọng Thị trường tiêu thụ xoài Yên Châu phần lớn được bán cho các thương lái, điếm thu mua thông qua hình thức bán sô (bán mao, không phân loại). Các hộ trồng xoài bán trực tiếp cho thương lái. Tỷ lệ tiêu thụ xoài trên thị trường của huyện Yên Châu năm 2020 được thể hiện qua bảng 5.

Bảng 5. Tỷ lệ tiêu thụ xoài tại thị trường của huyện Yên Châu năm 2020

TT	Tác nhân	Sản lượng tiêu thụ (tấn)	Tỷ lệ (%)
1	THT, HTX, DN thu mua để xuất khẩu	337,5	2
2	Thương lái, điếm thu mua (bán quả tươi)	13.163	78
3	Người bán lẻ	2.531	15
4	Người tiêu dùng	844	5
5	Tổng sản lượng	16.875	100

(Nguồn: Phòng NN & PTNT huyện Yên Châu)

Qua bảng 4 ta thấy xoài của Yên Châu được tiêu thụ qua rất nhiều tác nhân nhưng tác nhân lớn nhất vẫn là thương lái chiếm tỷ lệ 78%, sau đó là bán cho những người bán lẻ, tỷ lệ 15%. Như vậy các thương lái rất quan trọng trong việc tiêu thụ xoài tại huyện Yên Châu và là người quyết định giá của xoài trên thị trường. Trong giai đoạn từ 2018 – 2020 bằng những chính sách cụ thể cho kích thích tiêu thụ xoài như thúc đẩy quảng bá thương hiệu xoài Yên Châu tại các lễ hội được tổ chức hàng năm, hội chợ xúc tiến thương mại tại các tỉnh; tìm kiếm, kết nối với các doanh nghiệp thu mua xoài để tiêu thụ tại thị trường trong nước và xuất khẩu; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, HTX trong huyện gặp gỡ, trao đổi và ký kết hợp đồng tiêu thụ hàng hóa nông sản với các doanh nghiệp, nhà phân phối tại thị trường trong và ngoài nước đã làm cho thương hiệu xoài Yên Châu được khẳng định, đảm bảo chất lượng đối với người tiêu dùng.

3.2. Phân tích chuỗi giá trị xoài Yên Châu

3.2.1. Mô tả chuỗi giá trị

Chuỗi giá trị xoài huyện Yên Châu bao gồm các chức năng cơ bản như sau:

- Chức năng đầu vào cho trồng xoài bao gồm cây giống, vật tư nông nghiệp,...
- Chức năng sản xuất bao gồm các hoạt động trồng, chăm sóc và thu hoạch xoài.
- Chức năng thu gom là chức năng trung gian vận chuyển xoài từ người sản xuất đến các tác nhân tiếp theo của chuỗi.

- Chức năng thương mại bao gồm các hoạt động mua bán xoài đến người tiêu dùng trong và ngoài huyện.

- Chức năng tiêu dùng gồm các hoạt động mua xoài để tiêu dùng trực tiếp.

Tương ứng với mỗi chức năng trong chuỗi có ít nhất một tác nhân tham gia chuỗi và các tác nhân này nối kết với nhau thành một hệ thống cung ứng lẫn nhau từ sản xuất đến tiêu thụ gọi là hệ thống chuỗi.

Qua sơ đồ chuỗi giá trị xoài tại huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La tại hình 1, nghiên cứu xác định được năm kênh thị trường chính tiêu thụ xoài như sau:

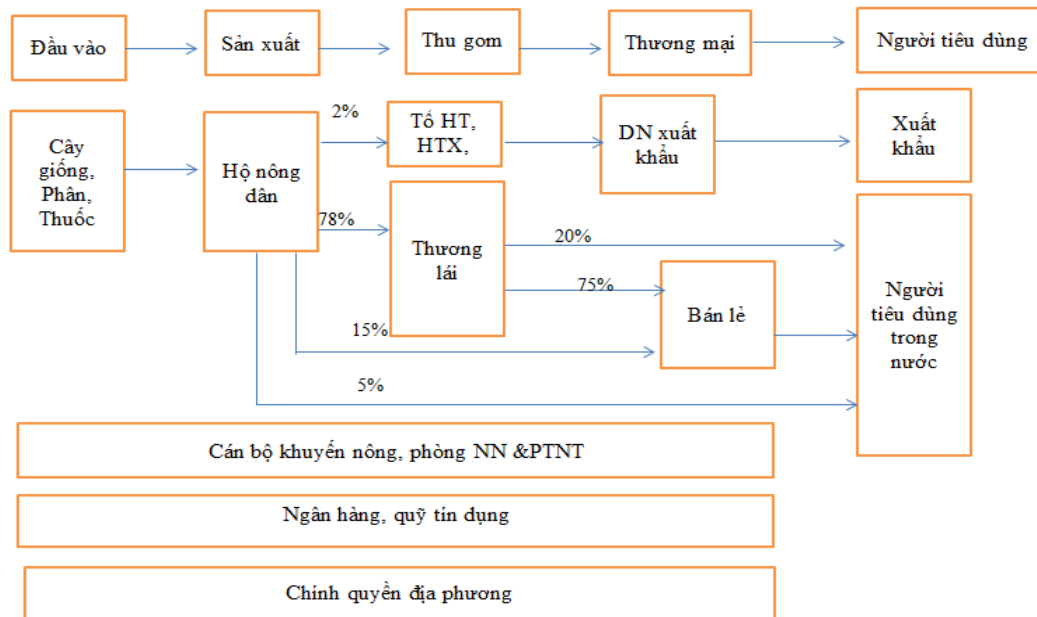
Kênh 1: Hộ nông dân => Tổ HT, HTX=> DN Xuất khẩu => Xuất khẩu nước ngoài=> người tiêu dùng nước ngoài.

Kênh 2: Hộ nông dân => Thương lái => Người tiêu dùng trong nước.

Kênh 3: Hộ nông dân => Thương lái=> Người bán lẻ => Người tiêu dùng trong nước.

Kênh 4: Hộ nông dân => Người bán lẻ => Người tiêu dùng trong nước.

Kênh 5: Hộ nông dân => Người tiêu dùng trong nước.



Hình 1. Sơ đồ chuỗi giá trị xoài ở huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La
(Nguồn: Kết quả khảo sát trực tiếp tại Yên Châu năm 2021)

3.2.2. Phân tích kinh tế chuỗi giá trị

Xác định giá trị gia tăng (GTGT) và giá trị gia tăng thuần (GTGTT) cho các đối tượng tham gia chuỗi là rất quan trọng vì nó thể hiện giá trị thu được của xoài thông qua các khâu tiêu thụ. Kết quả kinh tế chuỗi được thể hiện qua bảng 6.

Bảng 6. Phân tích kinh tế chuỗi của xoài Yên Châu

Chỉ tiêu	Hộ nông dân	Thương lái	DN Xuất khẩu	Bán Lẻ	Xuất Khẩu	Tổng
Kênh 1: Hộ nông dân => Tổ HT, HTX => DN xuất khẩu => Xuất khẩu => Người tiêu dùng ngoài nước						
Giá bán (nghìn đồng/kg)	8	10	12		21	
CP đầu vào (1000đ/kg)	1,5	8	10		12	
GTGT (1000đ/kg)	6,5	2	2		9	19,5
CP tăng thêm	0,148	0,5	0,75		5	
GTGTT (1000đ/kg)	6,352	1,5	1,25		4	13,102
% GTGT	33,33	10,26	10,26		46,15	100,00
% GTGT thuần	48,48	11,45	9,54		30,53	100,00
Kênh 2: Hộ nông dân => Thương lái => Người tiêu dùng trong nước						
Giá bán (1000đ/kg)	3,5	8				
CP đầu vào (1000đ/kg)	1,5	3,5				
GTGT (1000đ/kg)	2	4,5				6,5
CP tăng thêm	0,248	0,5				
GTGTT (1000đ/kg)	1,752	4				5,752
% GTGT	30,77	69,23				100,00
% GTGT thuần	30,46	69,54				100,00
Kênh 3 : Hộ nông dân => Thương lái => Người bán lẻ => Người tiêu dùng trong nước						
Giá bán (1000đ/kg)	3,5	8		10		
CP đầu vào (1000đ/kg)	1,5	3,5		8		
GTGT (1000đ/kg)	2	4,5		2		8,5
CP tăng thêm	0,248	0,5		0,7		
GTGTT (1000đ/kg)	1,752	4		1,3		7,052
% GTGT	23,53	52,94		23,53		100
% GTGT thuần	24,84	56,72		18,43		100

Chỉ tiêu	Hộ nông dân	Thương lái	DN Xuất khẩu	Bán Lẻ	Xuất Khẩu	Tổng
Kênh 4: Hộ nông dân => Người bán lẻ => Người tiêu dùng trong nước						
Giá bán (1000đ/kg)	3,5			10		
CP đầu vào (1000đ/kg)	1,5			3,5		
GTGT (1000đ/kg)	2			6,5		8,5
CP tăng thêm	0,248			0,7		
GTGTT (1000đ/kg)	1,752			5,8		7,552
% GTGT	23,53			76,47		100
% GTGT thuần	23,20			76,80		100
Kênh 5: Hộ nông dân => Người tiêu dùng trong nước						
Giá bán (1000đ/kg)	10					
CP đầu vào (1000đ/kg)	1,5					
GTGT (1000đ/kg)	8,5					
CP tăng thêm	0,248					
GTGTT (1000đ/kg)	8,252					
% GTGT	100					
% GTGT thuần	100					

(Nguồn: Số liệu điều tra năm 2021)

Với bảng phân tích kinh tế chuỗi giá trị xoài tại huyện Yên Châu cho thấy kênh 5 là kênh tiêu thụ từ hộ nông dân đến người tiêu dùng trong nước có giá trị gia tăng và giá trị gia tăng thuần cho hộ nông dân là cao nhất, rút ngắn chuỗi giá trị hiện nay đảm bảo từ người sản xuất đến tiêu dùng, nhưng kênh này hiện nay chỉ chiếm 5% sản lượng tiêu thụ xoài. Kênh 2, 3 và 4 là ba kênh tiêu thụ có %GTGT và %GTGTT của các hộ nông dân trồng xoài chỉ chiếm khoảng dưới 25% còn phần lớn chủ yếu để lại ở khâu thương lái và người bán lẻ. Thông qua đó ta thấy, để phát triển chuỗi giá trị xoài huyện Yên Châu thì hai kênh tiêu thụ cần được quan tâm là kênh 5 và kênh 1, trong đó tại kênh 5 thì cần phải nâng cao kỹ năng bán hàng trực tiếp cho các hộ nông dân hoặc gắn với phát triển du lịch nông nghiệp để quảng bá đến người tiêu dùng. Kênh 1 là kênh có thị trường rộng mở nhất đối với xoài Yên Châu nhưng đòi hỏi các hộ nông dân cần tuân thủ đúng yêu cầu kỹ thuật, thực hiện sản xuất tập trung đảm bảo quy mô và các điều kiện cần thiết tham gia vào THT, HTX để đáp ứng nhu cầu thị trường quốc tế.

3.2.3. Phân tích lợi thế cạnh tranh

Áp lực cạnh tranh tiềm ẩn

Giá cả thị trường biến động, thời tiết và tình hình dịch bệnh Covid 19 là những rủi ro tiềm ẩn đối với chuỗi giá trị xoài. Đặc biệt hiện nay với tiêu chuẩn của thị trường cao, khắt khe, đặc biệt là tiêu chuẩn xuất khẩu, đòi hỏi các hộ nông dân cần phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của sản xuất theo tiêu chuẩn quốc tế.

Áp lực cạnh tranh trong nội bộ ngành

Với diện tích xoài lớn nhất toàn tỉnh Sơn La, xoài Yên Châu hiện nay cũng đang cạnh tranh bởi xoài tại các địa phương khác trong tỉnh Sơn La. Ngoài ra xoài Yên Châu Sơn La cũng có các đối thủ cạnh tranh khác như xoài tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long đã có thương hiệu từ lâu.

Năng lực thương lượng của người mua

Giá bán xoài của các hộ nông dân trồng xoài tại huyện Yên Châu còn đang phụ thuộc vào thương lái. Do vậy sẽ có nhiều trường hợp xoài Yên Châu mặc dù có chất lượng tốt nhưng giá bán lại rất thấp vì do thương lái ép giá. Trong các cuộc thương lượng về giá thì các hộ nông dân luôn là bên yếu thế.

Năng lực thương lượng của nhà cung cấp

Khâu đầu vào của hộ nông dân chủ yếu là giống, vật tư nông nghiệp. Các đại lý vật tư nông nghiệp tại địa phương phong phú, hộ nông dân có nhiều sự lựa chọn. Tuy nhiên, người sản xuất thường gặp khó khăn khi có biến cố rủi ro thời tiết và dịch bệnh, lúc này nhu cầu về vật tư nông nghiệp của người sản xuất rất lớn, cầu vượt cung nên các đại lý, cơ sở vật tư nông nghiệp đẩy giá

lên rất cao. Ngoài ra, người dân cũng gặp khó khăn trong đánh giá chất lượng sản phẩm vật tư nông nghiệp. Do đó, khi có biến cố bất lợi xảy ra thì nông dân là người chấp nhận giá, đại lý vật tư nông nghiệp quyết định giá và chất lượng nguồn cung sản phẩm.

3.3. Giải pháp phát triển chuỗi giá trị xoài tại Yên Châu Sơn La

Đối với nông dân

Thường xuyên cập nhật thông tin thị trường, tự nâng cao năng lực để tiếp cận thị trường nhanh và hiệu quả nhất

Thúc đẩy việc hình thành mối liên kết ngang giữa nông dân và nông dân để tạo thế mạnh cho việc sản xuất xoài và tránh tình trạng ép giá cũng như góp phần tái phân phối lại lợi nhuận giữa các tác nhân.

Liên kết các hộ nông dân thành các tổ hợp tác, hợp tác xã để tạo ra vùng sản xuất lớn, cùng tiêu chuẩn, cùng quy trình tạo lợi thế cho xuất khẩu.

Đối với nhà khoa học

Hỗ trợ, đào tạo hộ nông dân ứng dụng công nghệ trong sản xuất và tiêu thụ xoài.

Nghiên cứu các giải pháp để rút ngắn các khâu trung gian trong chuỗi giá trị xoài để giảm chi phí trung gian, nâng cao GTGT và GTGTT của chuỗi giá trị xoài Yên Châu.

Đối với nhà nước

Có các hướng dẫn cụ thể trong việc thực hiện các chính sách ưu đãi của nhà nước.

Có các chính sách cụ thể để hỗ trợ tổ hợp tác, HTX, DN xuất khẩu nông sản được thuận lợi.

Xây dựng quy chế quản lý, kiểm soát thương hiệu xoài huyện Yên Châu đảm bảo chất lượng.

4. Kết luận

Cây xoài có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của người dân huyện Yên Châu. Hiện nay, sản xuất và tiêu thụ xoài được đánh giá đang có hiệu quả, chuỗi giá trị khá phong phú nhưng phần GTGT và GTGTT để lại cho các hộ nông dân còn thấp chủ yếu thuộc về thương lái và người bán lẻ.

Chuỗi giá trị xoài bao gồm 5 chức năng là đầu vào, sản xuất, thu gom, thương mại và tiêu dùng. Tương ứng với các tác nhân như người cung cấp đầu vào, người sản xuất, thương lái, DN xuất khẩu, người bán lẻ và người tiêu dùng. Các nhà thúc đẩy chuỗi giá trị bao gồm cán bộ khuyến nông địa phương, câu lạc bộ, phòng Nông Nghiệp huyện, sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ngân hàng và chính quyền địa phương.

Qua phân tích 5 kênh phân phối xoài cho thấy, kênh 1 là kênh có quy mô thị trường lớn và có tổng giá trị gia tăng thuần của toàn kênh cao nhất chuỗi là 13.102 đồng/kg, trong đó người sản xuất hưởng 48,48% GTGTT với thị trường xuất khẩu cực lớn khi hội nhập quốc tế do vậy kênh 1 sẽ là kênh phân phối hiệu quả nhất chuỗi giá trị xoài Yên Châu. Bên cạnh đó, kênh 5 cũng được xem là kênh hiệu quả khi gắn kết với phát triển du lịch và bán hàng tại vườn của người nông dân qua thương mại điện tử.

Để chuỗi giá trị xoài phát triển bền vững trong tương lai cần có chiến lược nâng cấp chuỗi. Chiến lược đầu tư phát triển chuỗi để có được sản phẩm đủ về số lượng và chất lượng nhằm tăng tính cạnh tranh trên thị trường thông qua các mối liên kết chuỗi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] T. T. O. Pham, "Model of agricultural cooperatives producing products according to the value chain of products adapted to climate change," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 226, no. 10, pp. 187-195, 2021.
- [2] T. L. A. Nguyen and T. H. Dao, "Developing the linkage of actors in the value chain of tea industry in Thai Nguyen province," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 175, no. 15, pp. 189-194, 2017.
- [3] T. T. Nguyen and H. T. Vo, "Analysis of the value chain of mango industry in Tinh Bien district, An Giang province," *Scientific Journal of Can Tho University*, vol. 55, pp. 109-119, 2019.

-
- [4] T. T. L. Vo, "Assessment of agriproduct value chains in the Mekong Delta: Problems and solutions," *Can Tho University Journal of Science*, no. 02, pp. 100-111, 2016.
- [5] T. T. L. Vo, T. T. A. Nguyen, P. S. Nguyen, H. T. Huynh, H. V. T. K. Truong, H. Lam, and T. G. Le, "Analysis of chili value chain in Dong Thap province," *Scientific Journal of Can Tho University*, vol. 38, pp. 107-119, 2015.
- [6] H. G. Nguyen *et al*, "Develop production for export of key acacia products in Son La province," *Vietnam agricultural science Journal*, vol. 18, pp. 767-776, 2020.
- [7] P. S. Nguyen, T. T. L. Vo, and T. T. A. Nguyen, "Value chain analysis of green apple, garlic and grape Products in Ninh Thuan province," *Magazine Solutions to exploit socio-economic potentials*, vol. 1, pp. 192-200, 2013.
- [8] People's Committee of Yen Chau district, *Report on the results of socio-economic development in 2020 and directions for 2021*, 2020.
- [9] People's Committee of Son La province, *5-year evaluation (period 2016 - 2020) implementation of the policy of fruit tree development*, Conference Materials, 2021.